Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 31b/QĐ- THPTNĐC ngày 10/01/2023 của Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (năm 2023)
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	**6.985.700**
1	Lệ phí	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí: Thu các hoạt động khác được để lại	6.985.700
	Phí …	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**6.839.630**
1	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.839.630
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**146.070**
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	**Phí: Thu các hoạt động khác được để lại**	146.070
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**14.084.998**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**13.409.158**
	a. Chi con người	**12.347.902**
	- Mục: 6000 Lương	**6.737.563**
	Tiểu mục 6001: Lương ngạch bậc	6.737.563
	Tiểu mục 6003: Lương hợp đồng	
	Tiểu mục 6049: Lương khác	
	- Mục: 6100 PC lương	**3.670.514**
	Tiểu mục 6101: PC chức vụ	101.916
	Tiểu mục 6105: PC làm đêm; làm thêm giờ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (năm 2023)
	Tiểu mục 6107: PC độc hại	3.576
	Tiểu mục 6112 PC ưu đãi	2.134.729
	Tiểu mục 6113: PC trách nhiệm	1.788
	Tiểu mục 6115: PC TNVK; PC TNNG	1.415.095
	Tiểu mục 6149: Phụ cấp đoàn thể	13.410
	- Mục: 6300 Các khoản đóng góp	**1.939.825**
	Tiểu mục 6301: BHXH 17,5%	1.444.550
	Tiểu mục 6302: BHYT 3%	247.637
	Tiểu mục 6303: Kinh phí CĐ 2%	165.091
	Tiểu mục 6304: BHTN 1%	82.546
	- Mục: 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	
	Tiểu mục 6449: Chi khác	
	b. Chi công việc	**894.800**
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng	**416.000**
	Tiểu mục 6501: Tiền điện	240.000
	Tiểu mục 6502: Tiền nước sinh hoạt	156.000
	Tiểu mục 6503: Tiền nhiên liệu	2.000
	Tiểu mục 6504: Thanh toán vệ sinh môi trường	18.000
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	**157.000**
	Tiểu mục 6551: Văn phòng phẩm	72.000
	Tiểu mục 6552: Mua sắm dụng cụ, công cụ	45.000
	Tiểu mục 6599: Vật tư văn phòng khác	40.000
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền	**77.800**
	Tiểu mục 6601: Cước phí điện thoại	12.000
	Tiểu mục 6603: Cước phí bưu chính	5.800
	Tiểu mục 6605: Cước phí Internet	26.000
	Tiểu mục 6608: Phim ảnh; sách báo tạp chí thư viện	12.000
	Tiểu mục 6618: Khoán điện thoại	10.000
	Tiểu mục 6649: Khác	12.000
	Mục 6700: Công tác phí	**30.000**
	Tiểu mục 6701: Tiền xe	6.000
	Tiểu mục 6702: Phụ cấp công tác phí	12.000
	Tiểu mục 6703: Tiền thuê phòng ngủ	6.000
	Tiểu mục 6704: Chi khoán công tác phí	6.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	**114.000**
	Tiểu mục 6751: Thuê phương tiện vận chuyển	12.000
	Tiểu mục 6756: Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	12.000
	Tiểu mục 6757: Thuê lao động trong nước	72.000
	Tiểu mục 6799: Chi phí thuê mướn khác	18.000
	Mục 7000: Chi phí NV CM từng ngành	**100.000**
	Tiểu mục 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư	24.000
	Tiểu mục 7004: Đồng phục, trang phục	26.000
	Tiểu mục 7049: Chi phí khác	50.000
	c. Mua sắm, sửa chữa	**115.000**
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản	**115.000**
	Tiểu mục 6912: Thiết bị công nghệ thông tin	60.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (năm 2023)
	Tiểu mục 6913: Tài sản và thiết bị văn phòng	15.000
	Tiểu mục 6921: Đường điện, cấp thoát nước	24.000
	Tiểu mục 6949: Các tài sản và công trình hạ tầng	16.000
	d. Chi khác	**51.456**
	Mục 7750: Chi khác	**30.000**
	Tiểu mục 7757: Chi phí bảo hiểm tài sản và phương tiện	12.000
	Tiểu mục 7761: Chi tiếp khách	12.000
	Tiểu mục 7799: Chi các khoản khác	6.000
	Mục 7850: Chi cho công tác Đảng	**21.456**
	Mục 7854: Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ công tác Đảng	21.456
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**675.840**
	a. Chi con người	
	-Mục: 6050 Tiền công	
	Tiểu mục 6051: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	
	-Mục: 6300 Các khoản đóng góp	
	Tiểu mục 6301: BHXH 17,5%	
	Tiểu mục 6302: BHYT 3%	
	Tiểu mục 6303: Kinh phí CĐ 2%	
	Tiểu mục 6304: BHTN 1%	
	- Mục: 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	
	Tiểu mục 6449: Chi khác (Học bổng học sinh khuyết tật, hỗ trợ phương tiện học tập)	
	b. Chi công việc	**675.840**
	Tiểu mục 6752: Thuê nhà, đất	675.840
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (năm 2023)
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (năm 2023)
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Mỹ Tho, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Lập bảng

Huỳnh Thanh Thảo

Hiệu trưởng

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Võ Hoài Nhân Trung